

SƠ LƯỢC THI CỬ NGÀY XƯA

CHƯƠNG HAI

THI HƯƠNG

(Triều Nguyễn)



Vinh quy

NGUYỄN GIỰ HÙNG

(Sưu tầm, chọn lọc, tổng hợp và trình bày)

Sách Khải Định chính yếu (ghi lại các sự kiện thời Khải Định) chép rằng tháng Giêng năm 1919, thể thức kỳ thi Hội với những thay đổi, vua Khải Định phê: “Lần này là khoa **thi Hội cuối cùng của triều đình**, nên trăm muốn gia ân cho sinh viên sĩ tử khoa mục trong cả nước, hễ ai thông thạo hai thứ chữ Nho và chữ Pháp thì trình diện Bộ Học để xin vào ứng thí”.

Ngày 16-5-1919 (nhằm 17-4 âm lịch), kỳ thi Đình cuối cùng diễn ra trong cung vua.

LỜI NGƯỜI VIẾT

Dựa theo tài liệu trên, THI CỬ theo Nho học đã kết thúc cách đây vừa tròn 100 năm. Một trăm năm ngắn ngủi so với chiều dài gần 9 thế kỷ (1075-1919), mà mọi triều đình ta kể từ đầu nhà Lý trở về sau, ngoài việc tiến cử đặc biệt, sự tuyển chọn nhân tài cho đất nước đều do qua **thi cử** cả. Ấy vậy, khi ngoảnh nhìn lại, chúng tôi tự thấy mình không biết gì mấy về việc làm quan trọng như thế của người xưa nên cố gắng lục lọi, tìm tòi một số tài liệu trong các sách tham khảo ít ỏi có sẵn trong tay, và cộng thêm những bài viết trên NET để tạm vẽ nên một vài nét *sơ lược* về **thi cử Nho học ngày xưa**. Đề tài thì mênh mông, tài liệu tham khảo thì giới hạn, đôi chỗ lại khác biệt hay mâu thuẫn lẫn nhau, khó hiểu nên mong có sự đóng góp của quý vị độc giả để giúp chúng tôi có sự hiểu biết rộng rãi thêm và chính xác hơn.

LOẠT BÀI NÀY CHỈ PHỔ BIẾN GIỚI HẠN TRONG NHÓM THÂN HỮU *nhằm kỷ niệm một trăm năm* ngày chấm dứt thi cử Nho học tại Việt nam

* * *

I- ĐẠI CƯƠNG

Thi Hương được tổ chức cứ *ba năm một kỳ*, vào những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu. Những khoa này được gọi là *chính khoa* (khác với Ân khoa) do triều đình tổ chức để chọn nhân tài theo *định kỳ nhất định*. Khoa thi Hương có hai học vị *Cử nhân* và *Tú tài*, nhưng chỉ những ai đạt học vị ***Cử nhân*** mới chính thức kể là người đã **đỗ** để tiếp tục vào kỳ thi Hội được tổ chức ở kinh đô.

1- Địa điểm tổ chức thi Hương

*/ Vào đời Minh Mạng và Thiệu Trị có cả thảy 7 trường thi chia theo *miền*:
Miền Bắc gồm hai trường Hà Nội, Nam Định
Miền Trung gồm bốn trường Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên, Bình Định
Miền Nam gồm một trường Gia Định.

Những tỉnh thuộc *địa bàn* của các trường thi:

- Trường thi *Hà Nội-Nam Định* gồm các tỉnh miền Bắc.
- Trường thi *Thanh Hóa* gồm các tỉnh Thanh Hóa, Ninh Bình
- Trường thi *Nghệ An* gồm các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh
- Trường thi *Thừa Thiên* gồm các tỉnh Thừa Thiên và Ngũ Quảng (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam, Quảng Ngãi)
- Trường thi *Bình Định* gồm các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa
- Trường thi *Gia Định* gồm các tỉnh miền Nam

*/ Vào đời vua Tự Đức (1884) trường Hà Nội phải dời và thi chung với trường Nam Định được gọi là trường *Hà Nam*

*/ Vào những năm cuối cùng của thi cử Nho học, khi có sự hiện diện của người Pháp, số trường thi thu lại chỉ còn:

Miền Bắc: Trường thi Hà Nam (thi ở Nam Định)

Miền Trung: Các trường thi Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên, Bình Định

Miền Nam: Trường thi Gia Định bị bãi bỏ.

2- Thời gian tổ chức

Tùy thuộc mỗi Trường thi nhưng phải được tổ chức trong cùng một năm. Thí dụ như *tháng Tư* âm lịch đối với Thừa Thiên, *tháng Sáu* âm lịch đối với Nghệ An, *tháng Bảy* âm lịch đối với Thanh Hóa và *tháng Mười* âm lịch đối với Nam Định. . .

3- Vòng thi bốn trường và các môn thi

Thi Hương gồm 4 kỳ gọi là *tứ trường*: *Nhất trường*, *Nhị trường*, *Tam trường* và *Tứ trường* hay *Phúc hạch*; cách nôm na gọi là *Trường nhất*, *Trường nhì*, *Trường ba* và *Trường bốn*; hay *Kỳ nhất*, *Kỳ nhì*, *Kỳ ba* và *Kỳ bốn*; hay *Vòng nhất*, *Vòng nhì*, *Vòng ba*, *Vòng bốn*. Gọi sao cũng đều được hiểu như nhau là có bốn đợt thi trong thi Hương.

- Kỳ Nhất trường: thi *kinh nghĩa*
- Kỳ Nhị trường: thi *thơ*, *phú*
- Kỳ Tam trường: thi *chiếu*, *ché*, *biểu*
- Kỳ Tứ trường hay Phúc hạch: thi *văn sách*

Thứ tự các môn thi vừa kể trên có thể thay đổi theo mỗi khóa thi, nhưng căn bản thường áp dụng theo lịch trình như thế.

Thời gian làm bài của *mỗi trường* (hay mỗi kỳ, mỗi vòng) kéo dài trong vòng *một ngày* từ sáng tới tối.

4- Lịch trình cho bốn kỳ thi

Những khóa thi về sau, lịch trình ngày thi của bốn trường không quy định rõ, nhưng thông thường được áp dụng trong tháng có khoa thi như sau:

- Ngày mùng 8 thi *Nhất trường*.
- Ngày 18 thi *Nhị trường*.
- Ngày 25 thi *Tam trường*.
- Ngày 01 tháng sau thi *Tứ trường* (hay trước kia còn gọi là kỳ *Phúc hạch*).
- Thông thường, sau một hay hai tuần tính từ ngày thi *Tứ trường*, tên người thi đỗ được *yết bảng* sau khi được triều đình chuẩn thuận danh sách tân khoa.

Quy định: Người thi đỗ *Nhất trường* mới được vào thi *Nhị trường*, và cứ như thế áp dụng cho *Tam trường* và *Tứ trường*.

5- Mô tả trường thi (Nam Định)

Để hiểu thêm những phần viết trong những tiết mục dưới,
xin đọc và xem sơ đồ Trường thi ở

PHỤ BẢN “A”

II- TIẾN TRÌNH CHUẨN BỊ và ĐIỀU HÀNH VIỆC THI CỬ

A- TIẾN TRÌNH CHUẨN BỊ

1- Triều đình chọn ban khảo thí và ban giám sát

Văn ban đình thần Bộ Lễ (năm 1908 đổi thành Bộ Học) trong triều hội họp lại đề cử *ban khảo thí*. Trừ hai quan *Đề tuyển* là những người thuộc võ quan, còn các quan khác đều nằm trong hạng khoa mục cả.

Kén chọn xong, đình thần làm sớ tâu lên vua để được chuẩn thuận.

Vua phê lời chỉ dụ, đồng thời cử hai *quan Ngự sử* sung vào *ban giám sát*.

Trước khi lên đường, các quan được đề cử đi phải vào bái mạng vua rồi ra Bộ Lễ lĩnh cờ và bài, trên cờ có chữ “*Chi*” to và chữ “*Phụng*” nhỏ, ý nói vua truyền và các quan phải tuân theo.

- *Ban khảo thí*

Số lượng gồm:

Một quan *Chánh Chủ khảo*, một *Phó Chủ khảo*

Hai quan *Phân khảo*

Hai quan *Giám khảo*

Hai quan *Đề tuyển* còn gọi là quan *Đề điệu* (riêng hai viên này là quan võ, không biết văn chương)

Từ 4, 8 đến 10 quan *Phúc khảo*, (tùy theo trung tâm thi lớn, nhỏ)

Từ 8, 16 đến 20 quan *Sơ khảo*, (tùy theo trung tâm thi lớn, nhỏ), số quan *Sơ khảo* nhiều gấp đôi quan *Phúc khảo*.

- *Ban giám sát*

Số lượng gồm:

Hai quan *Ngự sử giám sát*.

Tám đội *thể sát* gồm 4 đội coi việc thi và 4 đội coi giữ trật tự.

Kể từ năm Bính Tuất (1885), niên hiệu Đồng Khánh, triều thần chỉ cử các quan *Phân khảo*, *Đề tuyển* trở lên mà thôi, còn các quan *Phúc khảo*, *Sơ khảo* sẽ do các quan *Kinh lược* tỉnh địa phương chỉ định.

2- Trước ngày thi một tuần

Các quan *khảo thí* và quan *giám sát* phải lên đường đến trường thi. Khi đến nơi tỉnh có trường thi tọa lạc, các quan vào yết kiến quan *Tổng đốc* địa phương rồi tức khắc *tiến trường* và ở luôn trong trường cho đến khi thi xong.

- Các quan địa phương phải cử 40 người *lại phòng* sung vào việc biên chép trong trường thi, và cử *lính* đặt dưới quyền quan *Ngự sử*, lại phải cung cấp đủ lương thực cho các quan trường dùng trong suốt thời gian thi. Đến ngày thi phải cử một viên *Lãnh binh* đem quân *hộ thành* điều quanh trường để tăng phần nghiêm ngặt.

- Các quan vào trường rồi, phải ở nhà dành riêng cho mình, không được đi lại với nhau trong suốt kỳ thi.

3- Lễ tiến trường (đơn cử Trường thi Hà Nội)

Hôm đó, có biết bao nhiêu người tụ tập trước cửa phủ của quan Tổng đốc và dọc hai bên đường đến Văn Miếu để xem *Lễ tiến trường* của các quan trong dịp triều đình mở khoa thi ở Hà Nội.

a/ Phần tiến trường của các quan khảo thí do triều đình đề cử

Nào chiêm trống, trống con trống cái, nào phường bát âm thi nhau khua inh ỏi từ nhà phủ quan Tổng đốc tiến ra.

- Hai lọng đỏ che cho *cờ* và *bài* của nhà vua

Theo sau đó, theo thứ tự trước sau, là các quan uy nghi trong sắc phục theo thứ bậc cao thấp của triều đình:

- *Quan Chánh chủ khảo* (quan Đại thần Bộ Lễ, sau đổi thành Bộ Học), ngồi võng thứ nhất được che bởi bốn lọng xanh.

- *Quan Phó chủ khảo*, ngồi võng thứ nhì được che bởi ba lọng xanh.

- *Hai quan Giám sát Ngự sử*, ngồi võng thứ ba và thứ tư được che bởi hai lọng xanh.

- *Hai quan Giám khảo*, ngồi võng thứ năm, thứ sáu với hai lọng xanh.

- *Hai quan Đề tuyển*, ngồi võng thứ bảy, thứ tám với một lọng xanh.

- *Hai quan Phân khảo*, ngồi võng thứ chín, thứ mười với một lọng xanh

- *Bốn quan Phúc khảo*, mỗi người một võng và một lọng màu lam.

- *Tám quan Sơ khảo*, đi bộ, mỗi vị một lọng màu lam đi theo.

b/ Phần tiến trường của quan, lính, nhân viên phụ trợ tại địa phương

- Lại một vòng điều có bốn lọng che, quan *Tổng đốc* mặc sắc phục đại triều tiến đưa các quan trường.

- Theo sau quan Tổng đốc là một *án thư* lớn do lính khiêng, trên đề *lễ tam sinh* gồm một con dê, một con lợn và một con gà, có hai cái lọng đi kèm. Và một án thư thứ hai, trên có hoa quả, mâm xôi, một con lợn chín, cũng có hai lọng đi theo.

- Kế đến là 40 *lại phòng* (thư ký) quần áo chỉnh tề, xếp hàng đôi đi trước, theo sau là tám viên đội *thể sát* với một toán lính vác gươm, cầm giáo rất oai nghi. Toán này do quan tỉnh cử vào sẽ ở lại trường để phục vụ trường thi.

- Một toán lính tập hậu đi sau cùng để dẹp đường.

Đám rước đi rất oai phong và chậm chạp tiến về phía Văn Miếu. Đến khu Văn Miếu các quan xuống võng, đem *lễ chín* vào bái yết đức thánh Khổng Tử. Lễ xong các vị trở ra và tiến thẳng đến trường thi.

Tiến tới đây, quan Tổng đốc trở lại dinh.

Các quan trường được tiếp tục rước đến trường thi. (**Xem sơ đồ Trường thi – Phụ Bản “A”**)

- Đến cổng trường, phu cờ tản ra hai bên, nhường cho phường trống tiến vào *Tiền môn* (cổng chính). Qua nhà *Thập đạo*, thẳng lối vào *Thí viện*. Tất cả tụ tập nơi đây.

- Lễ tam sinh bày ở *Thí viện*, các quan chia nhau vào làm lễ *bách linh* và *tứ phương thần chủ*.

- Lễ hoàn tất, các phu lọng đi ra, khu trường thi sẽ bị biệt lập khoảng *một tháng*, nội bắt xuất, ngoại bắt nhập chỉ trừ có mấy viên đội thể sát do quan Ngự sử cho ra ngoài để vận chuyển lương thực.

4- Trước ngày thi một ngày

a/ Công việc chuẩn bị các “quyển”

“Quyển” được các quan Đề tuyển làm việc một cách rất hết sức cẩn thận và trật tự. *Thí dụ* trường Hà Nội, năm đó có tới vạn hai (12000) thí sinh ứng thí, số *quyển* thi phải tới bốn vạn tám (48000) quyển, bởi mỗi thí sinh phải nộp bốn quyển cho đủ *bốn kỳ thi*. Bốn quyển đó do chính tay học trò đóng và đề tên họ với quê quán của mình nộp lên quan Đốc học tỉnh nơi nguyên quán.

(Nhắc lại, sắp đến ngày thi, quan Đốc học các tỉnh phải chuyển toàn bộ quyển của các thí sinh tỉnh mình giao cho quan trường).

b/ Công việc của quan “ngoại trường” Đề tuyển

(Danh từ “nội trường”, “ngoại trường” có ý chỉ vị trí được phân bố trong Trường thi - xem Phụ Lục “A”)

Sau khi Ngoại trường nhận đủ quyền của các tỉnh, quan “ngoại trường” Đề tuyển đóng dấu (thí dụ) “Hà Nội thí trường” vào trang đầu mỗi quyền rồi mới chuyển vào Nội trường cho quan “nội trường” Đề tuyển.

c/ Công việc của quan “nội trường” Đề tuyển và lại phòng (thư ký)

Lúc này rất phức tạp.

- Trước hết phải mở các quyền và đóng vào *khe giữa* của *trang hai* và *trang ba* một dấu nữa. Dấu này có chữ “*Văn hành công khi*”, người ta còn gọi là dấu “*giáp phùng*”. Dấu này để tránh cho kẻ gian tháo những tờ từ *trang thứ hai* trở xuống mà thay những tờ khác vào thay thế.

- Rồi chọn tên thí sinh mỗi người một quyền, tổng cộng một vạn hai (12000) quyền, cho vào một đồng, trộn cho lung tung và chia làm bốn phần. Phải trộn đều lên là cốt khi phân chia, những quyền cùng tỉnh không ở cùng một phần với nhau. Chia ra làm bốn phần vì sẽ chia ra *bốn vi*, mỗi vi một phần.

- Sau khi chia ra làm bốn phần, các *lại phòng* lần lượt ghi tên các “quyền” vào sổ. Bốn phần phải làm tám cuốn sổ, mỗi phần hai cuốn, biên giống như nhau.

- Lính *thể sát* (còn gọi là *mật sát*) đóng bốn phần vào bốn hòm riêng rẽ, mỗi phần một hòm đưa ra *Ngoại trường* để đến ngày thi phát cho thí sinh. Kèm theo đó phải gửi ra bốn cuốn sổ ghi tên thí sinh để ngoài này làm *bảng yết danh* treo ở ngoài cửa các vi. Còn bốn cuốn sổ ghi tên còn lại được giữ trong *Nội trường* để sau này tra xem ai bị “hông” và ai “được vào” kỳ thi tới.

B- ĐIỀU HÀNH VIỆC THI CỬ

1- Tổng quát về bốn trường thi

- Nhắc lại: Thi Hương gồm “bốn trường”, đó là *Nhất trường*, *Nhị trường*, *Tam trường* và *Tứ trường* xưa gọi là kỳ *Phúc Hạch*. Nôm na, dân gian còn gọi “bốn trường” là Trường nhất, Trường nhì, Trường Ba, Trường bốn; hay “bốn kỳ” gồm Kỳ nhất, Kỳ nhì, Kỳ ba và Kỳ bốn; hay “bốn vòng” là Vòng nhất, Vòng nhì, Vòng ba, Vòng bốn.

- Người thi đỗ *Nhất trường* mới được vào thi *Nhị trường*, và cứ như thế áp dụng cho *Tam trường* và *Tứ trường*.

- Trong bốn trường kể trên, mỗi trường kéo dài *một ngày*.

- Kết quả mỗi trường thường được công bố sau đó mấy ngày, (theo lịch trình đã nói ở trên), đó là thời gian dành cho *ban giám sát* Đề tuyển làm việc, và *ban khảo thí* chấm bài.

- Bảng thí sinh đỗ trong mỗi trường sẽ được niêm yết tại cổng *trường thi* hoặc cổng mỗi vi trước một ngày để thí sinh biết mà chuẩn bị vào trường kế tiếp.

2- Các môn thi dành cho bốn trường

Thông thường:

Kỳ Nhất trường thi *kinh nghĩa*

Kỳ Nhị trường thi *thơ, phú*

Kỳ Tam trường thi *chiếu, chế, biểu* hay *chế, biểu, luận*

Kỳ Tứ trường thi *văn sách*

3- Cách ra đề thi

- *Nhất trường*: Đề bài gồm có cả thấy 7 đề gồm *hai bài truyện* rút ra từ *Tứ Thư* hay còn gọi là *Tứ Truyện* và *năm bài kinh* rút ra từ *Ngũ Kinh*. Những bài văn này gọi chung là ***kinh nghĩa***. Thí sinh bắt buộc phải làm ít nhất 3 bài trong bảy đề bài trên. Tuy nhiên thí sinh cũng có thể làm đủ cả 7 bài để tỏ rõ tài học của mình.

- *Nhị trường*: Đề bài, gồm một *bài thơ* và một *bài phú*. Thí sinh phải làm đủ cả 2 bài.

- *Tam trường*: Đề bài gồm ***chế, chiếu, biểu***, mỗi loại một bài. *Chế*, thường gọi là “*chế văn*”, tức lời vua ban khen khi phong thưởng cho công thần. *Chiếu* là soạn một “*chỉ thị*” của triều đình hay lời, lệnh vua ban xuống cho thần dân. *Biểu* là một “*văn bản*” (sớ) của quan đại thần viết dâng lên triều đình hay vua. Thí sinh phải làm đủ cả ba bài.

- *Tứ trường* (hay *Phúc hạch*): Đề bài gồm một bài ***văn sách***. Bài này đòi hỏi thí sinh phải có kiến thức sâu rộng về kinh điển Nho gia, trình bày những mưu lược, kế sách của mình trước những vấn đề kim cổ hay thời cuộc hiện tại phù hợp với đề bài.

Lưu ý: Ý nghĩa của tên gọi kỳ *Phúc hạch* là để *sát hạch* lại các kỳ thi trước. Vì vậy các khóa thi trước đây, đề bài *sát hạch* phải hội đủ các loại văn của ba kỳ thi kia để các quan khảo thí có thể dựa vào đó mà xét *khieú văn* và *trình độ* của mỗi thí sinh có phù hợp với những bài văn đã làm trong các kỳ trước hay không hầu để tránh trường hợp gian lận, thi dùm. Bài thi gồm một bài *kinh nghĩa* hay bình về *Kinh Thư* và một bài *thơ* hay một *bài phú*. Có khóa thi chỉ cần làm một *bài thơ* để

nhận mặt chữ là đủ. Những khóa thi về sau này, phép thi đổi lại, kỳ Phúc hạch được coi là một *kỳ thi thật sự* giống như ba kỳ kia nên được gọi là Tứ trường. Bài thi lúc này chỉ có một bài *văn sách*. (Sẽ có giải thích thêm ở những đoạn sau).

Kỳ thi Nhất trường

(Dùng làm tiêu biểu cho cả 4 kỳ thi)

- Độ hai giờ sáng hôm thi *Nhất trường*, sĩ tử tập trung trước 4 cửa vi. Người đông nghẹt như kiến. Những ngọn đuốc (đình liệu) cháy rực ở các cửa vi và nhà Thập đạo. Trong nhà Thập đạo, trống cùng kiềng đồng theo nhau gióng đủ 3 hồi 9 tiếng, bảy giờ các quan chuẩn bị xuống các vi.

-Hai quan *Ngự sử* và mấy người trong *đội thể sát* oai nghiêm lên chòi canh giám sát.

-Hai quan *Phân khảo* ra hai vi TẢ, HỮU

-Quan *Phó chủ khảo* theo biên “Phụng chỉ” đến cửa vi ẤT

-Quan Chánh chủ khảo theo là cờ “Khâm sai” ra cửa vi GIÁP

Đôi lọng vàng che cho hai chữ “Khâm sai”, đôi lọng xanh nghiêm chỉnh che cho vị *Chủ khảo* vận phẩm phục oai nghiêm tiến ra cửa vi trèo lên ghế, bề vệt trên “ghế treó”.

Ngoài cổng trường thi bỗng như xé làn không khí, tiếng loa “chiếu lệ” thét trên chòi canh.

“*Báo oán giả tiên nhập. Báo ân giả thứ nhập! Sĩ tử thứ thứ nhập*”

Mỗi cửa vi, những người lính đứng cạnh vị khảo quan với chông quyền, theo miệng người *lại phòng* cầm danh sách vừa múa loa lên gọi tên thí sinh. Mỗi khi nghe tên, thí sinh “dạ” to rồi tiến vào cửa cho lính khám xét.

1- Khám xét và nhận quyền

Lính khám rất nghiêm ngặt:

-Soát từ cái chân chông, móng chông nếu có dằm bị nghi ngờ

-Ghé mắt vào ống quyền, lấy que khuấy trong bầu nước uống

-Lần giải lưng, thọc tay vào túi, vuốt các gấu áo gấu quần

-Gỡ tung cả bộ lều nếu bị nghi

-Sau cùng là khám cái tráp son dùng đựng thỏi mực, cái bút, dùi vờ, giấy trắng để “cánh quyền” (giải thích ở dưới).

-Thực phẩm đem theo

Sau cuộc khám sét, các thí sinh nhận quyền của mình (đã được trường thi đóng sẵn dấu “*giáp phùng*”). Thí sinh vào trường nơi bãi thi thuộc vi của mình dựng lều. Các lều được dựng ngổn ngang trông như lều chợ, không theo thứ tự hàng lối. Trừ khi tới *Tứ trường*, thí sinh còn ít nên lều được dựng ngăn ngăn theo hàng lối.

Các quan hợp ở nhà *Thập đạo* ra đầu bài, còn hai quan *Ngự sử* ở trên chòi kiểm soát sự gian lận.

2- Tiến trình việc thi cử của thí sinh

a/ Trống báo ra đề bài thi

Bài thi: thi *kinh nghĩa* gồm

2 truyện lấy từ bộ sách *Tứ thư* (Luận ngữ, Trung dung, Đại học, Mạnh Tử).

5 bài *Kinh thi* lấy từ bộ sách *Ngũ kinh* (Dịch, Thư, Thi, Lễ, Xuân Thu).

Nhưng thí sinh chỉ cần làm 3 bài bắt buộc, hoặc làm hết cả 7 bài tùy ý.

b/ Trống báo lấy dấu “nhật trung”

Vào khoảng trưa, có hồi trống báo lấy dấu *nhật trung*. Bài viết dở dang, nhưng ít nhất viết được 3 dòng *rươi*, thí sinh phải đem quyền đi lấy dấu *nhật trung* ở nhà *Thập đạo*. Dấu *nhật trung* của quan trường chứng tỏ bài thi đã được viết ở trong trường chứ không phải bài đem từ ngoài vào.

Theo quy định trường thi, dấu *giáp phùng* thì phải viết đề lên, nhưng dấu *nhật trung* thì không được viết đề lên, Chung quanh hai dấu này không được *đồ* (xóa), *di* (sốt), *câu* (móc), *cải* (sửa) chữ nào cả vì quan trường sợ thí sinh làm dấu bài.

c/ Cánh quyền

Trong khi làm bài, nếu thấy bài mình bị phạm *lỗi trường quy* hay viết bài sai thí sinh phải đóng quyền mới, gọi là *cánh quyền*. Quyền mới cũng phải ghi tên họ, nguyên quán, khai tam đại trên tờ đầu rồi đem lên nhà *Thập đạo* xin dấu *giáp phùng*. Khi viết được quá 3 dòng *rươi* thí sinh cũng phải đem quyền lên nhà *Thập đạo* xin dấu *nhật trung* rồi mới làm bài tiếp.

d/ Cộng quyền nội

- Trước khi nộp quyền thí sinh phải cộng tất cả những chỗ *đồ*, *di*, *câu*, *cải* đề ghi vào dưới chữ “*cộng quyền nội*”. Những chỗ sai sửa này không được quá 10 chữ.

- Sau khi “cộng quyền nội” thí sinh có quyền nộp quyền (nộp bài thi) tại nhà Thập đạo. Rồi quay trở lại rõ lều chõng, theo đường *chính đạo* ra cổng về.

e/ Trống thu quyền (1)

Đến chiều tối, một hồi trống báo thời hạn chót *thu quyền*. Khi đã có trống thu quyền, quan “ngoại trường” *Đề tuyển* phải ra tận nhà Thập đạo trông coi nhân viên *lại phòng* thu quyền. Quyền nào nộp đúng thời hạn gọi là quyền *nội hàm*, được cho vào hòm không và niêm phong. Quyền nào nộp ngoài thời hạn phải đóng dấu *ngoại hàm* và để ở ngoài hòm, quyền không được chấm.

3- Tiến trình chấm bài

a/ Rọc phách

Hòm quyền và những quyền *ngoại hàm* được giao về cho quan “nội trường” *Đề tuyển* trong Nội trường để *rọc phách*.

Trong Nội trường, quan “nội trường” *Đề tuyển* để riêng những quyền *ngoại hàm* ra một bên, còn bao nhiêu quyền *nội hàm* thì đưa cho lại phòng *đóng dấu* và *rọc phách*.

Lúc này công việc gấp lắm, bao nhiêu *lại phòng* đều xúm vào làm việc. Mỗi quyền phải “*khuyên*” một cái vòng tròn ở giữa trang đầu và viết hai bên *khuyên* hai dòng chữ giống nhau. Thí dụ bên này viết hàng chữ “Giáp nhất hiệu” bên kia cũng “Giáp nhất hiệu” hay bên này viết “Khảm lục hiệu” thì bên kia cũng viết “Khảm lục hiệu”. Rồi gấp một vệt ở giữa *khuyên*, rọc lấy một mảnh phân có ghi tên họ, quê quán của thí sinh giữ lại. Mảnh giấy ấy gọi là *phách*. Sau khi rọc *phách*, không ai còn biết quyền bài thi ấy là của ai trừ các quan *Đề tuyển*.

(**Nên nhớ** trong suốt khoa thi chỉ có hai quan “ngoại trường”, “nội trường” *Đề tuyển* là người duy nhất biết quyền nào là của ai. Toàn ban chấm bài, kể từ quan Chánh chủ khảo đến quan Sơ khảo đều không biết vì quyền đã bị *rọc phách* lấy tên ra và thay vào đó bằng một **ám số** riêng cho từng quyền. *Chỉ các quan Đề tuyển mới được quyền rọc phách và ráp phách*. Như đã biết, các quan *Đề tuyển* là quan võ, không biết văn chương nên không thể gian lận sửa bài dùm cho thí sinh được)

b/ Cách phê điểm

Việc cho điểm có hai loại: “đánh giá chung” và “đánh giá chi tiết” tức tiêu chú.
- *Đánh giá chung* có bốn mức *ưu, bình, thứ* và *liệt* tức *rất tốt, tốt, khá* và *kém*.

- *Lời phê tiểu chú* gồm những nhận xét ngắn gọn. Những lời phê thường gặp như *vị lưu* tức không trôi chảy, *sinh cường* tức cứng nhắc, *khiếm nghĩa* tức thiếu nghĩa, *thơ tú* tức thơ tuyệt hay, *nghĩa tinh từ* tức nghĩa tinh tế và câu đầy đủ, *bút ý tinh thâm* tức ý hay và sâu sắc ... Những bút phê này được ghi ở mặt sau của trang thứ hai, nằm phía dưới từ phải qua trái. Trước tiên là bút phê của quan *Sơ khảo* sau đến *Phúc khảo*, *Giám khảo* cuối cùng là bút phê của quan *Chủ khảo* nằm ở trên các vị kia và nằm ở chính giữa trang, chứng tỏ sự quan trọng của nó.

Mỗi vị dùng một màu mực khác nhau được quy định để phân biệt. Quan *Sơ khảo* dùng màu đỏ nhạt, *Phúc khảo* dùng màu xanh lơ, *Giám khảo* dùng mực tím, *Chủ khảo* dùng màu đỏ son.

Người chấm quyền nào phải ghi rõ *chức vụ*, *họ tên* và *điểm phê*.

c/ Quan “*Nội trường*” chấm

Hòm quyền sau khi *rọc phách* được đưa vào ***Giám viện*** trong *Nội trường*, ở đây các quan *Sơ khảo* chia nhau chấm lần đầu rồi chuyển sang cho các quan *Phúc khảo* và *Giám khảo* chấm lần thứ hai và lần thứ ba. Mỗi quyền phải đủ ba vị chấm. *Nội trường* chấm xong, những quyền ấy lại được giao trả cho quan “*nội trường*” *Đề tuyển* để chuyển sang cho *Ngoại trường* chấm.

d/ Quan “*Ngoại trường*” chấm

Lúc này, những quyền đã được chấm bên *Nội trường*, lại được chia làm hai hạng:

- Những quyền nào mà *nội* trong ba điểm chấm, có một điểm dấu phê *ưu*, *bình* hay *thứ* đều được đưa ra ***Thí viện*** để các quan *Chánh*, *Phó khảo* ở bên *Ngoại trường* chấm lại và phê điểm lên trên điểm của ba vị kia trong *Nội trường*.

- Những quyền bị đủ cả ba điểm dấu phê *liệt* thì phải để các quan *Phân khảo* chấm lại lần cuối cùng. Nếu quan *Phân khảo* thấy quyền nào khá mà các quan chấm trước phê *liệt* sẽ được chọn trình lên cho quan *Chủ khảo* định đoạt.

e/ Khi có ý kiến bất đồng giữa các quan khảo thí

Lập một *hội đồng* ở *Thí viện* để bàn định.

f/ Cách định những quyền “*được vào*” hay bị “*đánh hỏng*”

- Những quyền đã bị *Ngoại trường* phê *liệt*, bất kỳ *Nội trường* phê gì dù *ưu* hay *bình* mặc lòng cũng vẫn bị “*đánh hỏng*”. Ngược lại, những quyền nào được *Ngoại*

trường phê *thứ* hay *bình* hoặc *ưu*, đầu cho Nội trường phê *liệt* cũng vẫn “được vào” thi kỳ kế tiếp. Số phận các quyền “ngoại hàm” phải để riêng một nơi không chấm tức đánh hỏng.

- Theo lệ, những quan trường chấm văn vẫn được mỗi người một ý, nhưng các dấu phê phải *na ná giống nhau*, không được chênh nhau quá.

Thí dụ:

- Ông Sơ khảo, Phúc khảo, Giám khảo phê *liệt*, ông Chủ khảo phê *thứ* hay *bình* thì chấp nhận được, không sao. Nếu tới ông Chủ khảo phê *ưu* mà những ba ông phê trước đều *liệt* cả thì những ông phê *liệt* trước đều bị *phù xuất* tức bị đuổi ra khỏi trường vì điểm *liệt* và *ưu* cách nhau quá xa

- Hay các quan Nội trường phê *ưu*, rồi ông Chủ khảo phê *bình* hoặc *thứ* thì không sao. Nếu ông Chủ khảo phê *liệt* thì những ông phê *ưu* trước phải *phù xuất* vì điểm *ưu* và *liệt* cách nhau quá xa.

g/ Cách giải quyết mâu thuẫn về điểm chấm giữa các quan khảo thí

Giả sử có quyền dờ quá, mấy người chấm trước phê *liệt* là đúng, mà ông Chủ khảo phê *ưu*; trái lại những quyền thực hay, những ông chấm trước phê *ưu* tới ông Chủ khảo lại phê *liệt* thì sao?

Trong trường hợp này có quan *Ngự sử* can thiệp. Nếu thấy mấy ông Chủ khảo, Phân khảo thiên vị thì quan *Ngự sử* có quyền bắt bẻ và lập tức làm sớ *đàn hạch* (luận tội) gửi về triều đình.

Ngoại trường chấm xong lại đưa trả về cho Nội trường để *ráp phách*.

h/ Ráp phách

Trong Nội trường, bây giờ *lại phòng* lại xúm vào làm việc. Mở hòm phách để lấy *phách* ráp vào quyền. Khi thấy bên phách, bên quyền có hai dòng chữ số đúng nhau, hai nửa cái khuyên ăn khớp nhau, tức phách đúng với quyền. Phách của quyền nào được “**tạm ráp**” vào quyền nấy, rồi kiểm *dấu phê* (điểm phê) bên trong quyền của các quan khảo thí Nội trường và Ngoại trường.

- Dựa vào điểm phê, những quyền “được vào” kỳ thi tới sẽ để riêng và những quyền bị “đánh hỏng” để riêng.

- *Phách* của những quyền “được vào”, vừa được *tạm ráp* vào quyền lúc trước, nay phải lấy ra. Những phách này được *trộn đều* rồi chia ra làm *bốn phần* cho *bốn* vị như lần trước.

- Lúc này *lại* phòng được chia làm hai nhóm. Một nhóm lập *sổ phách mới* cho *bốn vi*. Nhóm thứ hai chọn những *quyển trắng*, nằm trong *sổ một vạn hai* (12000) quyển trắng do thi sinh nộp lúc ban đầu, *so sánh* và chỉ giữ lại những *quyển* có tên họ và quê quán phù hợp với những *phách* (được vào) vừa được chia ra *bốn vi*.

- Những quyển trắng này được đóng dấu *giáp phùng* và sau đó đóng vào bốn hòm đưa ra Ngoại trường để làm *bảng yết danh* và sẽ được phát cho thí sinh “được vào” thi kỳ thứ hai tức *Nhị trường*. Phách được giữ lại.

i/ Yết bảng

Quan “ngoại trường” *Đề tuyển* ở Ngoại trường làm *bảng yết* tên những người đỗ *Nhất trường* được vào thi *Nhị trường*. Ngoài “*bảng chính*” yết tên những người “*đỗ*” kỳ nhất, bên cạnh đó lại có một *bảng* gọi là “*bảng con*” liệt kê tên những người bị đánh hỏng vì phạm tội như *phạm húy*, *khiếm tị*, *khiếm đài*, *bất túc* (bất túc là không viết đủ bài thi). Còn các tội khác, ngoài bốn tội trên, chỉ bị đánh hỏng mà thôi chứ không phải nêu lên “*bảng con*”. Riêng tội phạm *trọng húy*, *khinh húy* quyền phải được gửi về triều đình để định tội nặng nhẹ, nặng thì phải tù tội, nhẹ thì bị đánh hỏng, hoặc có khi bị cấm thi một khóa, hai khóa hay cả đời.



*Dân chúng xem bảng yết danh
những người thi đỗ kỳ thi Hương năm 1897*

Kỳ thi *Nhị trường*

Bài thi: Thi thơ, phú.

Công việc điều hành thi cử: cũng lập lại tương tự như kỳ *Nhất trường*

Kỳ thi *Tam trường*.

Bài thi: Thi chế, chiếu, biểu.

Công việc điều hành thi cử: cũng lập lại tương tự như kỳ Nhất trường và Nhị trường. Số thí sinh nay chỉ còn phân nửa so với Nhất trường nên công việc điều hành cũng như chấm thi có phần nhẹ hơn.

Những điều nên lưu ý về cách chọn người lấy đỗ ở *Tam trường* để “được vào” kỳ thi *Tứ trường* mà trước kia gọi là kỳ *Phúc hạch*.

- *Trước kia*, số người được lấy vào kỳ *Phúc hạch* chỉ hơn số *Cử nhân* được triều đình *giải ngạch* (2) mấy người thôi. Thí dụ triều đình *giải ngạch* cho trường thi Hà Nội năm đó lấy 25 *Cử nhân*, lấy số dư ra vài người để phòng khi triều đình muốn gia ân lấy thêm vài *Cử nhân* nữa thì có sẵn mà điền vào. *Cứ một Cử nhân thì lấy ba Tú tài* (nhất *Cử tam Tú*) tức lấy 25 *Cử nhân* thì có 75 *Tú tài*, tổng cộng là 100 người. Như thế, dựa vào đây mà tính ra số người “được vào” kỳ *Phúc hạch*. Vì vậy khi vào tới *Phúc hạch* thì *coi như là đỗ*, không *Cử nhân* thì cũng *Tú tài*.

- *Ngày nay*, theo phép thi mới sau này, trong *ba kỳ thi đầu*, ai có một “*bình ngoại*” (3) trở lên đều được dự kỳ thi *Tứ trường*, bất kỳ *giải ngạch* là bao nhiêu. Thí dụ tính cả *ba kỳ thi*, có vài trăm người đều có ít nhất một “*bình ngoại*” thì đều được vào kỳ *Tứ trường*. Rồi sau kỳ thi này mới lấy số *Cử nhân* theo *giải ngạch*. Như vậy, bây giờ dù thí sinh có “được vào” kỳ *Tứ trường* cũng *chưa hẳn là đã được đỗ*. Chính vì điểm này, kỳ *Phúc hạch* xưa kia, nay được *coi như một kỳ thi riêng biệt* được gọi là **Tứ trường**.

Kỳ thi *Tứ trường*

Bài thi: Một bài Văn sách

Khi có kết quả của cả *ba kỳ* gồm *Nhất trường*, *Nhị trường*, *Tam trường* được chấm xong rồi, quan “*nội trường*” Đề tuyển **tạm ráp phách**, đóng cả *ba quyển* của từng mỗi thí sinh trong *3 kỳ*, nếu một trong *3 quyển* ấy có ít nhất một quyển có *bình ngoại* trở lên, rồi sau đó lại *lấy phách ra*. Cả *3 quyển* sau khi lấy phách, được đưa sang *Ngoại trường* cho quan Chánh, Phó chủ khảo.

Công việc điều hành thi cử: cũng giống như *ba kỳ thi* trước.

C- GIAI ĐOẠN CUỐI CÙNG

1- Chọn người đỗ cho toàn khoa thi

Chấm xong kỳ Tứ trường, hai quan Chủ, Phó khảo xét lại tất cả quyển thi gồm cả *bốn quyển* của bốn trường để định *hông, đỗ* và *định thứ tự*. Sau đó, các quyển được đưa sang cho quan “nội trường” Đề tuyển *ráp phách* rồi từ Nội trường lại chuyển sang cho quan “ngoại trường” Đề tuyển làm bảng *yết danh* sau này.

- Trong kỳ Tứ trường, ngoài những người *được chọn đỗ Cử nhân*, số kém quá thì đánh *hông*, còn những người khác được lấy làm *Tú tài*. Nếu số người *đỗ Tú tài* không đủ túc số gấp ba lần số *Cử nhân* ở kỳ Tứ trường thì lấy thêm xuống người được vào thi kỳ Tam trường có số điểm đều đạt điểm *thứ* cả (những người có điểm *bình* đã “được vào” Tứ trường rồi). Tuy thi Hương lấy hai học vị *Cử nhân* và *Tú tài* nhưng chỉ *người đạt học vị Cử nhân mới được gọi là đỗ để vào thi Hội mà thôi*.

- Quan *chủ khảo* sẽ là người làm công việc cuối cùng là *định thứ tự xếp hạng* cho những người đạt học vị *Cử nhân* và *Tú tài* trong toàn kỳ thi Hương. Ông dựa trên sự “*đánh giá chung*” được ghi trên mỗi quyển, ông ghi trên quyển thi có số điểm cao nhất cho hạng **Cử nhân** “*Cử nhân hạng, đệ nhất danh*”; trên quyển có số điểm cao hạng thứ hai “*Cử nhân hạng, đệ nhị danh*”, và cứ như thế cho đến hết hạng *Cử nhân* được cấp. Cũng tương tự như thế áp dụng cho hạng **Tú tài**, trên quyển có số điểm cao nhất, vị *Chủ khảo* viết “*Tú tài hạng, đệ nhất danh*”, trên quyển đứng hạng thứ hai “*Tú tài hạng, đệ nhị danh*” và cứ như thế cho đến hết hạng *Tú tài*.

- Cuối cùng, các quan *làm danh sách các vị tân khoa* (*Cử nhân*) và làm *sớ* tường thuật mọi việc tấu về triều đình. Nếu trong suốt kỳ thi có vị nào trong *ban khảo thí* hay *ban giám sát* thiên vị, gian lận, thiếu bổn phận hay *chênh mạng* trong công việc, hai quan *Ngự sử* sẽ làm *sớ* tấu về triều đình để *hạch tội*, tùy theo tội nặng nhẹ mà bị *giáng chức*, *cắt chức* hay *tù tội*.

- Đồng thời các quan trường phải làm *bản tấu riêng* về những người có văn bài phạm *trọng húy* và *khinh húy* để triều đình *phê phán*. Phạm *trọng húy*, nếu nặng có thể bị *tù tội*, phạm *khinh húy* nhẹ hơn có thể bị *cấm thi* trong một thời hạn dài hay *ngắt tỳ trường hợp*.

- Sau khi được sự *chuẩn thuận* của triều đình về *danh sách tân khoa* được *giải ngạch*, trường sẽ cử hành *lễ xướng danh*.

2- Lễ xướng danh



*Lễ xướng danh trường thi Nam Định năm Mậu Tý (1888)
cho các thí sinh trúng tuyển làm cử nhân*

Lễ xướng danh được tổ chức rất trọng thể.

Đến hôm làm lễ, tất cả các quan trường đều có mặt ở *Tiền môn*

Đông đủ mọi sĩ tử và người xem đều tụ tập ở trước cửa trường.

Các quan trường đều trong y phục triều đình chỉnh tề, uy nghiêm, ngồi ngay trên một “cái bục” dựng cao ngay trước cổng trường.

Lọng, nhạc, cộng với đoàn quân danh dự đứng nghiêm chỉnh làm tăng thêm vẻ long trọng của buổi *lễ xướng danh*. Ở chỗ cao nhất trên bục một vị quan *Tuyên cáo* cầm trong tay danh sách những thí sinh đã đỗ. Trong khi đó hai viên *Đội trưởng*, mỗi người cầm một loa, cưỡi voi đi qua đi lại. Ba hồi trống vang, viên quan *Tuyên cáo* đọc trong danh sách tên họ, quê quán từng người đỗ một. Hai chiếc loa của hai viên *Đội trưởng* lập lại, mỗi người quay về một phía. Người thi đỗ, từng người một, sau khi nghe đến tên mình liền hô to “có mặt!” rồi tách khỏi đám đông, tiến tới đứng chờ ở dưới bục. Khuôn mặt họ thật hớn hởi khi đón nhận kết quả vừa đạt được, và kết quả đó sẽ mang sự vẻ vang hãnh diện cho bản thân, họ hàng, làng nước và cũng là khởi đầu trên đường công danh của mình.

Khi lễ xướng danh kết thúc, các ông *tân Cử nhân* vào trong trường thi, trong một nghi lễ, mỗi người được phát một bộ *mũ áo bằng lụa* được nhà vua ban tặng. Sau đó các ông *cử tân khoa* được *dự một bữa tiệc nhỏ* tổ chức ngay trong trường

thi. Sau cùng các quan khảo thí cùng các vị tân khoa dự một buổi lễ Thánh (Khổng Tử) ở Văn miếu.

- Quan Tổng đốc tỉnh cũng tới trường thi tham dự lễ xướng danh để chúc mừng các các tân khoa và mời các vị *quan trường* và các *tân khoa* về phủ dự buổi *yến tiệc* do quan Tổng đốc khoản đãi.

- Bảng niêm yết các tân khoa được yết tại cổng trường, sau đó là ở Văn miếu, gồm hai bảng: Tên các *Cử nhân* được ghi trên một bảng gỗ *son đỏ*, tên của các *Tú tài* được ghi trên một bảng bằng tre đan *quét vôi trắng*.

-Lưu ý: Có một điều khác hẳn với các lối thi cử ngày nay, những người thi đỗ không nhận được một *văn bằng* nào dù rằng chỉ là một *chứng chỉ* chứng nhận đã thi đỗ. Người thi đỗ khi nhận được giấy bổ nhiệm vào chức vụ nào hay công việc gì trong công quyền bằng *giấy tống đạt của triều đình*, văn bản này sẽ có một bản được lưu giữ tại *thư khố triều đình*. Chỉ có vậy thôi.



Các vị khảo quan trong lễ xướng danh khoa Đinh Dậu, ngày 27/12/1897



Các thí sinh thi đậu ở trường thi Nam Định

III- BỔ TÚC THÊM VÀI ĐIỀU LIÊN QUAN TỚI THI CỬ

1- Phạm húy

Tổng cộng những chữ ‘húy’ có khoảng từ 40 đến 50 chữ được niêm yết trước công trường thi.

a/ Trọng húy là tên của vua và các tiên đế. Theo phép, những chữ trọng húy đều bị cấm ngắt, cấm đọc, cấm viết, phải coi như không có những chữ ấy. Nếu muốn dùng những chữ ấy, phải dùng chữ khác thay vào với nghĩa tương tự. Nếu đã viết chữ húy ra rồi lại xóa cũng có tội, không được xóa dù xóa mù tịt đi, vì luật trường thi những chữ đập xóa chỉ được chấm 3 cái vào mặt chữ để quan trường có thể nhận rõ nguyên hình của nó. Nếu xóa mù tịt đi tức là phạm “đồ bất thành tự” (viết không thành chữ).

Ngay bảng treo liệt kê những *chữ húy* của trường thi, nếu viết thẳng những chữ ấy ra thì quan trường cũng đã bị phạm húy rồi. Do đó trên bảng này họ phải tách chữ húy đó ra thành từng mảnh. Coi đến chỗ đó thí sinh phải hiểu ngầm.

Chữ húy không phải chỉ áp dụng trong trường thi, mà đó là lệnh của vua triều đình, cấm viết, cấm đọc những chữ, những tiếng ấy, và ai cũng phải theo, từ quan chí dân đều phải kiêng hết. Trừ ra những người làm giặc.

Để hiểu thêm về những cấm kỵ này, ta biết một vị vua ít ra cũng có 5 tên gồm

Niên hiệu: danh hiệu khi lên ngôi

Danh tự: tên trước khi lên ngôi

Ngự danh hay *cống danh*: tên riêng khi lên ngôi

Miếu hiệu: tên cho miếu tổ tông hay thời đại

Tên thụy: tên truy tôn

Thí dụ:

- Niên hiệu Gia Long, danh tự Nguyễn Phúc *Ánh*, ngự danh *Chúng*, miếu hiệu *Thế Tổ*, tên thụy Cao hoàng đế

- Niên hiệu Minh Mệnh, danh tự Nguyễn Phúc *Dong*, ngự danh *Đảm*, miếu hiệu *Thánh Tổ*, tên thụy Nhân hoàng đế

- Niên hiệu Thiệu Trị, danh tự Nguyễn Phúc *Cảo*, ngự danh *Thực*, miếu hiệu Hiến Tổ, tên thụy Chương hoàng đế

Trong năm tên trên của vua chỉ có tên thuộc nhóm “danh tự” là những chữ *Ánh*, *Dong*, *Cảo* và nhóm “ngự danh” như *Chúng*, *Đảm*, *Thực* được kể là **húy** mà thôi.

b/ Khinh húy là những chữ đệm trong tên vua đương triều, tên các vợ vua, mẹ vua hay tổ tiên lâu đời của vua. Nếu có dùng những chữ ấy phải bỏ bớt một nét đi.

c/ Khiếm trang dùng những chữ thô tục, khiếm nhã gần sát với chữ liên quan về bản thân vua và công việc của vua. Thí dụ những chữ có nghĩa không hay như *bạo* là *tợn*, *hôn* là *tối*, *cách* là *đấm*, *sát* là *giết* . . . không được đặt trên kê các chữ có nghĩa là vua như chữ *hoàng*, chữ *đế*, chữ *quân*, chữ *vuong*, chữ *chủ* . . . Tội khiếm trang nhẹ hơn *trọng húy*, chỉ bị đánh hỏng chứ không bị nêu tên ra “*bảng con*”, bảng này dành cho những thí sinh bị loại về bốn tội danh *phạm húy*, *khiếm tị*, *khiếm đài*, *bất túc* (không viết đủ bài thi) như đã nói.

d/ Khiếm tị là những chữ mang tên các cung điện, lăng tẩm trong cung. Thí dụ như ở Hoàng cung có điện Cần Chánh thì chữ “cần chánh” cũng không được dùng làm văn. Ngay cả những chữ húy này nằm ở hai câu khác nhau nhưng lại đứng gần nhau. Như câu “Tam bách niên xã tắc chi *trường*, *ninh* phi lại ư thử tai” (4) (Xã Tắc nhà Đường lâu dài đến ba trăm năm, chẳng phải nhờ đến điều đó hay sao). Chữ “trường” và chữ “ninh” tuy ở hai câu khác nhau, nhưng đọc ghép lại là “trường ninh” trùng với tên của cung Hoàng thái hậu ở Hoàng kinh. Khiếm tị chỉ kiêng ở những bài hay đoạn *cổ văn* mà thôi.

e/ Khiếm đài là chữ đáng đài mà không đài, hay chữ không đáng đài, hoặc đài không đúng cách. Riêng trường hợp đáng đài mà không đài thì không những bị đánh hỏng mà còn bị tội nữa.

Phép đài: Đầu mỗi trang trong “quyển” phải để chừa 3 hàng để “đài”.

Trong ba hàng ở đầu dòng, hàng trên cùng gọi là *du cách*, dưới hàng *du cách* gọi là *hàng thứ nhất*, dưới hàng thứ nhất gọi là *hàng thứ hai*, dưới hàng thứ hai gọi là *hàng thứ ba*. Bài viết của thí sinh phải bắt đầu từ hàng ba đó trở xuống. (Đọc lại phần đóng quyển thuộc **Chương một**).

Thí dụ:

- Trong *kim văn*, gặp chữ chỉ về “*Trời*” như thiên địa, giao miếu . . . phải viết lên hàng *du cách* trên cùng; gặp những chữ chỉ về “*vua*” như chữ hoàng thượng, thánh thượng, long nhan, quốc gia, triều đình . . . thì phải đài (viết) lên hàng thứ nhất; gặp những chữ chỉ về “*đức tính của vua*” thì phải đài lên hàng thứ hai. Ngoài ra trong bài văn bắt đầu có chữ “*Đối, sĩ văn*” (Thưa, tôi

nghe), chữ “sĩ” chỉ vào mình phải viết nhỏ ra một bên. Hay như trong bảng “Phụng chỉ” trong bảng của quan Chủ khảo mang theo niêm ở chỗ quan Chủ khảo ngồi, chữ “Chỉ” phải to vì là lệnh của vua và chữ “phụng” chỉ về quan Chủ khảo thuộc bày tôi phải viết nhỏ lại và viết sang một bên.

- Trong *cổ văn* phải kể đến cả những chữ húy của các triều đình đời *cổ* trong *sử nước ta* và *sử nước Tàu* (Bắc sử). Thực ra còn phải kiêng nhiều chữ nữa như tên mẹ, tên bà của các ông vua ấy nữa.

Quyển bị phạm lỗi như *phạm húy* không những nguy hiểm đối với thí sinh mà cũng còn nguy hiểm cho các quan trường chấm thi nữa. Chẳng hạn một quyển phải có bốn người chấm gồm các quan *Sơ khảo*, *Phúc khảo*, *Giám khảo*, *Chủ khảo* nên nếu quyển có lỗi, những người chấm trước không thấy thì người chấm sau cũng phải thấy. Theo phép thi nhà Nguyễn, trách nhiệm quan trường rất nghiêm ngặt. Nếu ông *Sơ khảo* không thấy lỗi mà để ông *Phúc khảo* tìm thấy thì ông *Sơ khảo* sẽ phải bị *phù xuất* tức đuổi ra liền. Nếu cả ba ông *Sơ khảo*, *Phúc khảo*, *Giám khảo* không thấy mà ông *Chủ khảo* tìm thấy lỗi thì cả ba ông kia phải *phù xuất*. Nếu ông *Chủ khảo* cũng không thấy và quyển ấy được chấm đỗ được gửi về triều đình, quan triều đình tìm ra lỗi thì tất cả các ông từ quan *Chủ khảo* trở xuống đều có tội cả. Bởi vậy khi chấm bài các quan phải rất cẩn thận, tìm tòi cho ra những chữ phạm tội.

f/ Câu chuyện “thánh Quát” liên quan đến luật phạm húy tại trường thi

Trường quy thời xưa rất nghiêm ngặt, hà khắc với những quy định như *trọng húy*, *khinh húy*. . .

Khi công tác ở Bộ Lễ, Cao Bá Quát được cử làm *sơ khảo* trường thi Thừa Thiên. Nhận thấy nhiều bài thi khá nhưng lại phạm quy vì các lỗi lật vặt, sơ suất nhỏ, không muốn người có tài bị đánh rớt, ông bàn với người bạn là Phan Nhạ lấy son hòa với muội đèn chữa lại. Chẳng may thiện ý này bị phát giác, Cao Bá Quát bị tống vào ngục. Vua Thiệu Trị giảm tội ông từ “trảm quyết” (xử tử) xuống “giảo giam hậu” (giam trong ngục chờ). Trong thời gian bị tù ngục, Cao Bá Quát bị nhục hình, tra tấn dữ dội. Sau gần ba năm bị giam cầm, Cao Bá Quát được triều đình tạm tha, nhưng bị chuyển vào Đà Nẵng, cho đi “dương trình hiệu lực” - tức lúc phái đoàn triều đình công cán nước ngoài, phạm nhân được đi theo phục dịch để lấy công chuộc tội.



2- Tránh gian lận trong thi cử

Nói chung, thi cử ở nước ta qua nhiều thời đại từ Lý, Trần, Hồ, Lê Sơ, Mạc, Lê Trung hưng rồi tới nhà Nguyễn đều được cải tiến dần dần để đi đến chỗ *ổn định* vào thời *Lê Sơ* và *hoàn chỉnh* vào *đời nhà Nguyễn*. Trong bất cứ triều đại nào, việc ngăn chặn gian lận trong thi cử đều được quan tâm vì thi cử là công việc duy nhất để triều đình chọn đúng nhân tài, những nguyên khí quốc gia để điều hành đất nước. Riêng có thời kỳ cuối của Lê Trung hưng, việc thi cử bị tai tiếng nhiều vì các triều vua ấy trên đường suy tàn nên ít quan tâm đến việc đào tạo và xử dụng nhân tài để xảy ra nhiều việc mua bán bằng cấp, kể cả việc gian lận trong trường thi được phổ biến rộng rãi. Tuy nhiên sang tới nhà Nguyễn, việc gian lận trong thi cử đã được chấn chỉnh lại và nghiêm cấm. Nói vậy, dù có ngăn chặn cách mấy, việc gian lận vẫn có thể xảy ra nhưng ở số rất ít.

***/ Hỏi:** Sự thông đồng giữa thí sinh với các quan Chủ khảo?

Sự lựa chọn quan trường gồm:

-Các quan thuộc ban khảo thí (khảo quan): Chánh, Phó chủ khảo, Phân khảo, Giám khảo

-Hai quan thuộc ban giám sát trường thi: “nội trường” Đề tuyển và “ngoại trường” Đề tuyển

- Hai quan giám sát tổng quát: “nội trường” Ngự sử và “ngoại trường” Ngự sử

Sự lựa chọn này đều do ý kiến của triều đình: các quan *khảo thí* coi việc văn chương; quan *Đề tuyển* coi việc canh phòng trong trường thi; quan *Ngự sử* coi việc giám sát tổng quát và tuy không trực tiếp tới việc chấm thi nhưng *trực tiếp báo cáo về triều đình* mọi việc xảy ra trong trường thi.

- Bao giờ cũng vậy, *độ mười ngày trở lại* trước ngày thi, triều đình mới kiểm khảo quan. Sau khi cắt cử đầu đầy, quan Chánh chủ khảo được ban lá cờ *Khâm sai*, ông Phó chủ khảo được ban biển *Phụng chỉ*. Lập tức hai đội thị vệ rước luôn cờ biển và dẫn ông nào về nhà nấy. Mấy ông Ngự sử cũng theo chân ra liền. Thế rồi, các lính thị vệ ở luôn ngoài cổng nhà canh giữ không cho ai ra vào.

- Mỗi ông Ngự sử cũng phải đi kèm luôn bên cạnh một quan Chủ khảo. Quan chủ khảo chỉ còn biết sắp sửa quần áo rồi lên đường không dặn vợ con nửa câu. Từ đấy cho tới khi xong hết việc trường, các quan Ngự sử không rời quan Chủ khảo bước nào. Các ông Phán khảo cũng bị canh chừng như thế.

Như thế còn dặn dò nhau vào lúc nào mà bảo thí sinh có thể thông đồng với quan trường.

***/ Hỏi:** *Giả sử quan Ngự sử thông đồng với quan Chủ khảo thì sao?*

Không có đời nào như thế. Các quan Ngự sử đều là những người cương trực, không kiêng nể ai. Chỉ những người không kiêng nể ai mới được cử làm chức Ngự sử. Quan Ngự sử tuy không có quyền trong trường thi nhưng triều đình vẫn kính trọng, lắng nghe hơn cả.

***/ Hỏi:** *Thế người ta có thể thông đồng với các quan Sơ khảo, Phúc khảo, Giám khảo?*

Cũng không thể được. Các quan ấy được lấy từ những ông Huấn đạo, Giáo thụ do các quan đầu tỉnh xung vào kia mà. Cách đề cử cũng tinh tế lắm, như hai trường Nam Định và Hà Nội, người chấm trường Hà Nội phải là Huấn đạo của tỉnh Nam Định, người chấm tại trường Nam Định phải là Huấn đạo của tỉnh Hà Nội.

Ông quan chấm thi nào có con em hay học trò mình dự thi ở trường mình chấm thì phải làm giấy *hồi tị* xin rút lui. Như vậy các ông Sơ khảo, Phúc khảo, Giám khảo biết thí sinh là ai với ai mà thông đồng.

Dù cho họ có thông đồng được với nhau cũng vô ích vì quyền *lấy đồ lại nằm trong tay quan Chánh chủ khảo* chứ không phải các quan Sơ khảo hay Phúc khảo, Giám khảo. Hơn nữa, các quan Sơ khảo, Phúc khảo, Giám khảo sau khi tiến trường đều phải ở trong nhà riêng của khu Nội trường có rào che kín, có quan “nội trường” Ngự sử giám thị và quan “nội trường” Đề tuyển với lính thể sát canh phòng. Trừ ngày ra bảng *giải ngạch*, mấy ông đó không bao giờ được giáp mặt với quan Chủ khảo, nghĩa là không nói lút được cho người nào. Những quyền của thí

sinh, tên phải *rọc phách*, việc chấm cứ chấm, các quan trường từ Chánh chủ khảo xuống tới tận quan Sơ khảo không thể biết “quyền” mình chấm là của ai.

3- Bổng lộc các quan trường tại trường thi

Lương các quan ấy không được tính tháng mà phải tính trọn một kỳ thi, bắt đầu từ lúc tiến trường đến khi xong các công việc.

Lương bổng *quan khảo thí* được tính như sau:

- Chánh chủ khảo được 50 quan tiền và 10 phương gạo.
- Phó chủ khảo được 45 quan tiền và 10 phương gạo.
- Mỗi ông Giám khảo được 35 quan tiền và 8 phương gạo.
- Mỗi ông Phân khảo được 30 quan tiền và 6 phương gạo.
- Mỗi ông Phúc khảo được 25 quan tiền và 5 phương gạo.
- Mỗi ông Sơ khảo được 20 quan tiền và 4 phương gạo.

Tuy bổng lộc được định như vậy nhưng khi ở trường các quan có được lãnh đồng nào đâu. Sau khi tiến trường, các ông *Sơ khảo*, *Phúc khảo*, *Giám khảo*, cho mỗi ông một gian nhà bằng tre, bằng nứa, trong đó có trang bị tiện nghi tối thiểu cho hai người, một thầy một trò, sống tạm thời. Những gian nhà này không thể thông qua nhau và chúng bị vây vào một khu cách biệt, khóa trái cửa, giao chìa khóa cho quan *Đề tuyển*. Khi nào khoa thi xong, quan *Đề tuyển* mới mở khóa cho các ông ấy cùng ra ngoài. Chỉ trừ khi nhà được hé mở cho phu khuôn nước đổ nước vào vại. Ngay cả phân ăn cũng phải tuân qua một cửa nhỏ bằng “lỗ chó chui” ở hàng rào phen nứa và sẽ do tên theo hầu các quan ra lấy vào.

Ăn uống hàng ngày thì do quan Tổng đốc cung đốn. Những quan trên thì không biết, nhưng các quan *Sơ khảo*, *Phúc khảo* thì mỗi ngày chỉ được hai lạng thịt lợn hay là hai con tôm he, có thịt thì không tôm. Ba ngày mới được lọ nước mắm và ít muối trắng. Một thầy một trò ngày hai bữa, chỉ có thể chia nhau.

Trong những ngày của kỳ thi *Trường nhất*, *Trường nhì* còn đông thí sinh nên các quan còn bận rộn. Nhưng tới kỳ thi *Trường ba* hay đến kỳ thi *Trường bốn* số thí sinh chỉ còn rất ít nên các quan có dư nhiều thì giờ không biết làm gì. Có quan phải bày trò chơi đánh đáo với tên đầy tớ theo hầu.

GHI CHÚ

(1) Thời gian cho một ngữ trống.

Quy định thời gian cho mỗi ngữ trống được tính như sau:

-Người lính “cầm canh” cầm trên tay 17 đồng tiền Gia Long. Sau khi đánh *tiếng trống thứ nhất*, người lính đặt từng đồng tiền xuống sàn một cách đều đặn cho đủ hết 17 đồng tiền trên tay. Rồi lại đều đặn nhặt đồng tiền lên tay, từng đồng một, cho đến khi nhặt hết đủ 17 đồng vừa trải ra trước đó. Lúc này người lính cầm canh đánh *tiếng trống thứ hai*.

-Người lính lại lập lại công việc lúc trước, nghĩa là giải đồng tiền xuống sàn rồi lại nhặt những đồng tiền ấy lên tay, nhưng số đồng tiền lần này bớt đi một, nay chỉ còn 16 đồng. Nhặt lên đủ 16 đồng lên tay, người lính đánh một *tiếng trống thứ ba*. Và cứ như thế, mỗi một lần đánh tiếng trống lại thì bớt đi một đồng tiền, thí dụ còn 15, 14, 13. . . cho đến hết 17 đồng tiền ban đầu thì được kể là một hồi trống.

(2) *Giải ngạch* tức số ấn định số người lấy đỗ của triều đình.

(3) “*Bình ngoại*” là điểm “bình” của quan chấm thi thuộc Ngoại trường.

Theo phép nhà Nguyễn, các quan chấm thi được chia ra hai phần:

-Các quan *Sơ khảo*, *Phúc Khảo*, *Giám khảo* thuộc Nội trường

-Các quan *Chánh*, *Phó chủ khảo* và *Phân khảo* thuộc Ngoại trường.

Chữ “nội” và chữ “ngoại” ý nói chỉ chỗ ở của các quan ấy trong trường thi. Bởi vì đóng ở trong trường các ông Sơ khảo, Phúc khảo, Giám khảo ở *phần trong* (nội) của trường thi, mấy ông Chánh, Phó chủ khảo và Phân khảo ở *phần ngoài* (ngoại) của trường thi.

(4) Thí dụ này lấy trong tác phẩm *Lều Chông* của Ngô Tất Tố

Bên lè bài viết,

Mời đọc vài bài thơ của cụ Tú Xương

Đi Thi

*Táp tênh người đi tớ cũng đi,
Cũng lều cũng chông cũng đi thi.
Tiễn chân, cô mất hai đồng chẵn,
Sờ bụng, thầy không một chữ gì!
Lộc nước còn mong thêm giải ngạch,
Phúc nhà nay được sạch trường quy.*

Ba kỳ trọn vẹn, thêm kỳ nữa,
Ứ ớ u ơ ngọn bút chì!

Đi Thi Nói Ngông

Ông trông lên bảng thấy tên ông,
Ông nốc rượu vào, ông nói ngông.
Trên bảng, năm hai thầy cử đội,
Bốn kỳ, mười bảy cái ưu thông.
Xướng danh tên gọi trên mình tượng,
Ấn yển xem ra có thịt công.
Cụ xứ có cô con gái đẹp,
Lăm le xui bố cưới làm chồng!

Hồng Thi Khoa Quí Mão – 1903

Trách mình phận hẩm lại duyên ôi!
Đỗ suốt hai trường hồng một tôi!
“Tế” đổi làm “Cao” mà chó thê!
“Kiện” trông ra “Tiếp” hồi trời ôi!
Mong gì nhà nước còn thi nữa,
Biết rõ anh em chẳng chắc rồi.
Mũ áo biển cờ, làng có đất,
Ô hay! Hương vận mãi chưa hồi!

Hế Mai Tớ Hồng

Hế mai tớ hồng, tớ đi ngay!
Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày!
Học đã sôi cơm nhưng chữa chín
Thi không ăn ớt thê mà cay!
Sách đèn phó mặc đèn con trẻ
Thưng đầu nhờ trông một mẹ mày.
“Cổng hỉ”, “mét xì” thông mọi tiếng,
Chẳng sang Tàu cũng téch sang Tây...

Buồn Thi Hồng

*Bụng buồn còn muốn nói năng chi?
Đệ nhất buồn là cái hồng thi.
Một việc văn chương thôi cũng nhảm,
Trăm năm thân thể có ra gì!
Được gần trường ốc vùng Nam Định,
Thua mãi anh em cánh Bắc Kỳ.
Rõ thực nôm hay mà chữ tốt,
Tám khoa chưa khỏi phạm trường quy.*

Mời nghe bài ca trù:



Bông Sen: Tranh của Đặng Can

HỒNG HỒNG TUYẾT TUYẾT - Kim Luyến

(Giữ phím CTRL & bấm vào tên bài hát)